TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2025/DS-ST
Ngày: 29/4/2025
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Lâm Bảo Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Nhàn; Ông Võ Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 143/2024/TLST- DSST ngày 11 tháng 6 năm 2024, về tranh chấp: "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐST-DSST ngày 03 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N1 (A). Địa chỉ: Số B đường L, phường T, quận B, TP .. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ : Tổng giám đốc. Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Phan Thu H, sinh năm 1977- Chức vụ - Giám đốc Ngân hàng N1 chi nhánh huyện P, tỉnh An Giang. Bà Phan Thu H uỷ quyền lại cho bà Lương Kim P sinh năm 1981 – chức vụ Trưởng phòng khách hàng Agribnak chi nhánh huyện P, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Chị Nguyễn Thị Thu L sinh năm 1975, nơi cư trú: tổ C, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

2.2. Chị Nguyễn Thị Kim H1 sinh năm 1977, nơi cư trú: số nhà B, khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang.

2.3. Anh Nguyễn Hữu H2 sinh năm 1979, nơi cư trú số nhà C, khóm C, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang.

2.4. Chị Nguyễn Thị Kim T sinh năm 1982, nơi cư trú số nhà E A, ấp T4, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Nguyễn Thị Thu L sinh năm 1979, nơi cư trú: ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

3.2. Ông Võ Chí T1, sinh năm 1981, nơi cư trú: số A, đường T, khóm T, thị trấn P, huyện P, An Giang.

(Các đương sự đại diện ngân hàng bà P có mặt, những người còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bảng tự khai và biên bản hòa giải đại diện nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 21/6/2010 A chi nhánh huyện P, An Giang và ông Nguyễn Hữu P1 (chết năm 2015) và bà Phạm Thị Kim T2 (chết năm 2014) có thỏa thuận ký Hợp đồng tín dụng số: 1523/2010/HĐTD ngày 21/6/2010 với số tiền 500.000.000 đ (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng) mục đích mua bán lúa nếp; lãi suất cho vay 15%/năm tại thời điểm ký kết HĐTD, lãi suất điều chỉnh theo quy định của A từng thời kỳ, thời hạn trả 12 tháng, hạn trả cuối cùng ngày 16/6/2011. Đến ngày 02/10/2018 trả được vốn 250.000.000đ, còn lại vốn gốc 250.000.000 đồng, số tiền lãi đến ngày 05/05/2024 là 395.141.301đồng. Để đảm bảo số tiền, ông P1, bà T2 thế chấp bên vay: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Hữu P1 và bà Phạm Thị Kim T2, giấy QSDĐ số H0482Ei do UBND huyện T cấp ngày 15/3/2006 diện tích 14.956m^2

Tài sản thế chấp bên thứ 3 do bà Nguyễn Thị Thu L đứng tên gồm: Giấy QSDĐ số H0464Ei do UBND huyện T cấp ngày 22/12/2005, diện tích 14.957m^2.

Đến năm 2014, 2015 ông P1 và bà T2 chết, các con gồm Nguyễn Thị Thu L, Nguyễn Thị Kim H1, anh Nguyễn Hữu H2, chị Nguyễn Thị Kim T, do người vay đã mất, vì vậy Ngân hàng yêu cầu những người thừa kế của ông P1, bà T2 có trách nhiệm cùng liên đới trả số nợ vay gốc là 250.000.000đ và tiền lãi phát sinh đến ngày trả nợ. Tính đến hết ngày 05/05/2024 tổng dư nợ của ông P1, bà T2 tạm tính tại A chi nhánh huyện P, An Giang là: 645.141.301 đồng.

Trong đó nợ gốc: 250.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 268.731.370 đồng, nợ lãi quá hạn là 26.409.931 đồng. A chi nhánh huyện P, An giang đã nhiều lần liên hệ và có thông báo yêu cầu các con ông P1, bà T2 gồm Nguyễn Thị Thu L, Nguyễn Thị Kim H1, anh Nguyễn Hữu H2, chị Nguyễn Thị Kim T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên theo Hợp đồng tín dụng số: 1523/2010/HĐTD ngày 21/6/2010. Tuy nhiên, tính đến nay, A Chi nhánh huyện P không nhận được phản hồi từ Nguyễn Thị Thu L, Nguyễn Thị Kim H1, anh Nguyễn Hữu H2, chị Nguyễn Thị Kim T, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không phối hợp trả nợ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của A gây khó khăn lớn trong công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của A.

Ngân hàng N1 - chi nhánh huyện P yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu L, chị Nguyễn Thị Kim H1, anh Nguyễn Hữu H2, chị Nguyễn Thị Kim T cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay vốn gốc là 250.000.000 đồng, tiền lãi trong

hạn là 280.648.356 đồng, lãi quá hạn là 132.385.068 đồng (tạm tính đến ngày 29/4/2025). Tổng cộng là 663.033.425 đồng.

Trường hợp các ông bà nêu trên không trả nợ hoặc trả nợ chưa đầy đủ thì Ngân hàng đề nghị xử lý các tài sản thề chấp tại hợp đồng thế chấp tài sản số 1523/HĐTC ngày 21/6/2010 giữa Ngân hàng với ông P1, bà T2 gồm tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 14.956m^2, tờ bản đồ số 03, thửa số 853 loại đất trồng lúa nước toạ lạc xã T, huyện T, tỉnh An Giang, thuộc giấy chứng nhận QSD số H0482el do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 15/3/2006 và hợp đồng thế chấp QSD đất của bên thứ 3 số 1523/HĐBL ngày 21/6/2010 giữa Ngân hàng với bà Thu L, ông P1, bà T2 gồm tài sản bảo đảm thế chấp của bên thứ 3 là QSD đất diện tích 14.957m^2 theo giấy CNQSD đất số H0464Ei do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 22/12/2005 tờ bản đồ số 03, thửa số 295 loại đất trồng lúa nước toạ lạc xã T, huyện T do bà Nguyễn Thị Thu L đứng tên, để bảo đảm thi hành án.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Chí T1 trình bày: ông là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng 02 phần diện tích đang thế chấp cho ngân hàng, nguồn gốc đất là của cha tôi ông Võ Văn T3 (mất) và bà Nguyễn Thị N, vụ việc này đã tranh chấp rất nhiều năm, tôi có nhận thông báo về việc thực hiện thủ tục nộp đơn yêu cầu độc lập trong vụ kiện này nhưng tôi không yêu cầu độc lập, tuỳ Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc ông P1, bà T2 và Ngân hàng N1 – chi nhánh huyện P ký kết Hợp đồng tín dụng là trên cơ sở tự nguyện của các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, phía ông P1, bà T2 mất nên phát sinh thừa kế cho các con thực hiện trong phạm vi tài sản do người chết để lại theo quy định pháp luật. Do ông P1, bà T2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán khi nợ đến hạn, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu các con ông P1, bà T2 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông P1, bà T2 là có căn cứ, xử lý tài sản thế chấp và tiếp tục tính lãi phát sinh là phù hợp Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự và Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010. Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…"*. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468, 615 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ Điều 147, Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị đơn phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn cư trú tại huyện P, tỉnh An Giang; nơi thực hiện hợp đồng là tại huyện P, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng N1 chi nhánh huyện P, tỉnh An Giang với ông P1, bà T2 được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận với nhau, được thể hiện bằng:

Hợp đồng tín dụng số 1523/2010/HĐTD ngày 21 tháng 6 năm 2010 của Ngân hàng N1 - chi nhánh huyện P với nội dung chính như sau: số tiền vay 500.000.000đ, mục đích mua bán lúa nếp, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất cho vay 15%/năm tại thời điểm ký kết HĐTD, lãi suất điều chỉnh theo quy định của A từng thời kỳ, thời hạn trả 12 tháng, hạn trả cuối cùng ngày 16/6/2011. Đến ngày 02/10/2018 trả được vốn 250.000.000đ, còn lại vốn gốc 250.000.000 đồng. Để đảm bảo số tiền, ông P1, bà T2 thế chấp bên vay: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Hữu P1 và bà Phạm Thị Kim T2 đứng tên giấy QSDĐ số H0482Ei do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 15/3/2006 diện tích 14.956m^2. Tài sản thế chấp bên thứ 3 do bà Nguyễn Thị Thu L đứng tên gồm: Giấy QSDĐ số H0464Ei do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 22/12/2005, diện tích 14.957m^2. Đến năm 2014, 2015 ông P1 và bà T2 chết, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các con trong việc thực hiện trả nợ trong phạm vi tài sản do người chết để lại theo quy định tại Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.1] Căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là hồ sơ Hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Hữu P1, bà Phạm Thị Kim T2 hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất giữa ngân hàng với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Thu L dùng tài sản để đảm bảo toàn bộ khoản vay cho ông P1 là diện tích đất 14.957m^2, số thửa 295, tờ bản đồ số 03 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0464eI do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 22/12/2005 theo Hợp đồng thế chấp số 1523/HĐBL ngày 21/6/2010 của Ngân hàng N1 chi nhánh P, tỉnh An Giang, cho đến hôm nay bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì. Do đó theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có giá trị pháp lý.

[2.2] Về thực hiện hợp đồng tín dụng sau khi ký hợp đồng nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn số vốn vay theo hợp đồng quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi nên nguyên đơn khởi kiện đến Tòa án là phù hợp Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự và Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, nghĩ nên chấp nhận.

[2.3] Hợp đồng tín dụng được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp tài sản số 1523/ HĐTC ngày 21/6/2010 có chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh An Giang nên hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

Toà án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chổ đối với tài sản thế chấp. Qua xem xét thì phần đất thế chấp toạ lạc tại xã T, huyện T, tỉnh An Giang bao gồm 02 diện tích đất là phần đất nông nghiệp có diện tích 14.956m^2 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0482eI do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 15/3/2006 do ông P1, bà T2 đứng tên, phần còn lại là diện tích 14.957m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0464eI do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 22/12/2005 do bà Nguyễn Thị Thu L đứng tên. Hai diện tích đất này hiện nay do ông Võ Chí T1 đang quản lý, sử dụng và đang trồng lúa.

Xét thấy, Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa các bên nhằm đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ của bị đơn với nguyên đơn. Hợp đồng này ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên và được chứng thực và được đăng ký thế chấp theo quy định pháp luật nên Hợp đồng thế chấp này có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành theo Điều 319 Bộ luật dân sự 2015. Do ông P1, bà T2 đã mất nên căn cứ Điều 615 Bộ luật dân sự thì những người con của ông P1, bà T2 là người phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại trong phạm vi di sản của ông P1, bà T2 là quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Hữu P1 và bà Phạm Thị Kim T2 đứng tên giấy QSDĐ số H0482Ei do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 15/3/2006 diện tích 14.956m^2 nên các ông bà gồm Nguyễn Thị Thu L, Nguyễn Thị Kim H1, Nguyễn Hữu H2, Nguyễn Thị Kim T có trách nhiệm liên đới trả số nợ theo yêu cầu của ngân hàng.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Võ Chí T1, Tòa án đã thông báo đưa vào tham gia tố tụng và được triệu tập đến phiên tòa, thông báo yêu cầu độc lập nhưng không có ý kiến, nên trường hợp có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Do đó, bị đơn không thanh toán nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ là phù hợp Điều 320, Điều 323 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Chi phí tố tụng: Số tiền do nguyên đơn tạm nộp, bị đơn phải chịu.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 274; Điều 319; Điều 320; Điều 323; Điều 463, 466, 615 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1 đối với bà Nguyễn Thị Thu L, bà Nguyễn Thị Kim H1, ông Nguyễn Hữu H2, bà Nguyễn Thị Kim T.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu L, bà Nguyễn Thị Kim H1, ông Nguyễn Hữu H2, bà Nguyễn Thị Kim T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N1 số tiền vay vốn gốc là 250.000.000đồng, tiền lãi trong hạn là 280.648.356 đồng, lãi quá hạn là 132.385.068 đồng (tạm tính đến ngày 29/4/2025). Tổng cộng là 663.033.425 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thu L, bà Nguyễn Thị Kim H1, ông Nguyễn Hữu H2, bà Nguyễn Thị Kim T chỉ thực hiện nghĩa vụ tài sản (kể cả tiền án phí, chi phí tố tụng) trong phạm vi phần di sản là quyền sử dụng đất mà ông Nguyễn Hữu P1 và bà Phạm Thị Kim T2 đứng tên quyền sử dụng đất đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1523/HĐTC ngày 21/6/2010.

Kể từ ngày 30/4/2025 bà Nguyễn Thị Thu L, bà Nguyễn Thị Kim H1, ông Nguyễn Hữu H2, bà Nguyễn Thị Kim T còn phải chịu khoản tiền lãi, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 1523/ HĐTD ngày 21/6/2010 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Kể từ ngày Ngân hàng N1 có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền) thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo hợp đồng tín dụng, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp, trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Thu L, bà Nguyễn Thị Kim H1, ông Nguyễn Hữu H2, bà Nguyễn Thị Kim T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N1.

Trường hợp bà L, bà H1, ông H2, bà T không trả được nợ, hoặc trả nợ chưa đầy đủ thì Ngân hàng N1 có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1523/HĐTC ngày 21/6/2010 để xử lý thu hồi nợ cho A gồm: diện tích 14.956m^2, tờ bản đồ số 03, thửa số 853 loại đất trồng lúa nước toạ lạc xã T, huyện T, tỉnh An Giang, thuộc giấy chứng nhận QSDĐ số H0482el do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 15/3/2006 do ông Nguyễn Hữu P1 và bà Phạm Thị Kim T2 đứng tên và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ 3 số 1523/HĐBL ngày 21/6/2010 giữa Ngân hàng với bà Thu L, ông P1, bà T2 gồm tài sản bảo đảm thế chấp của bên thứ 3 là quyền sử dụng đất diện tích 14.957m^2 theo giấy CNQSD đất số H0464Ei do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 22/12/2005 tờ bản đồ số 03,

thửa số 295 loại đất trồng lúa nước toạ lạc xã T, huyện T do bà Nguyễn Thị Thu L đứng tên, để bảo đảm thi hành án.

Chi phí tố tụng: bà Nguyễn Thị Thu L, bà Nguyễn Thị Kim H1, ông Nguyễn Hữu H2, bà Nguyễn Thị Kim T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng N1 số tiền 2.000.000đ.

Án phí DSST: bà Nguyễn Thị Thu L, bà Nguyễn Thị Kim H1, ông Nguyễn Hữu H2, bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu là 15.260.000 đồng.

Hoàn trả số tiền 14.900.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng N1 (do đại diện của Ngân hàng N1 - chi nhánh huyện P) theo biên lai số 0007018 ngày 11/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Ngân hàng N1 có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, được tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Lâm Bảo Ngọc

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.